

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~169~~2/BB-THPTGV

Quận Gò Vấp, ngày 05 tháng 10 năm 2023

BIÊN BẢN

V/v Thực hiện công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2023
Trường THPT Gò Vấp

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN :

1. Thành phần :

Ông Võ Ngọc Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tọa
Bà Vũ Thị Hồng	Chủ tịch Công Đoàn	Ủy viên
Ông Lê Kim Long	TBTTND	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thao	Thư ký	Ủy viên
Bà Lê Triều My	Kế toán	Ủy viên
Bà Đặng Hồng Diệp	PT trang thông tin điện tử	Ủy viên

2. Thời gian : 10 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2023

3. Địa điểm : Phòng họp

4. Chủ trì họp : Ông Võ Ngọc Sơn

5. Thư ký : Bà Nguyễn Thị Thu Thao

II. NỘI DUNG :

1. Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2023, với nội dung sau:

2. Nội dung chi: chi tiết theo biểu mẫu số 03 – ban hành theo thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018.

3. Thời gian công khai: Từ ngày 05/10/2023 đến ngày 05/12/2023.

4. Đăng niêm yết tại trang thông tin điện tử của trường.

Biên bản được lập thành 02 bản lưu đơn vị./

III. KẾT THÚC : Lúc 11 giờ cùng ngày.

1 Bà Vũ Thị Hồng.....
2 Ông Lê Kim Long
3 Bà Nguyễn Thị Thu Thao.....
4 Bà Lê Triều My.....
5 Bà Đặng Hồng Diệp.....

Chủ tọa

HIỆU TRƯỞNG



Võ Ngọc Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 52 /QĐ-THPTGV

Tp.HCM, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai đánh giá thực hiện quý 3 năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu đánh giá thực hiện quý 3 năm 2023 của Trường THPT Gò Vấp (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT.



TRƯỜNG THPT GỖ VẤP
Chương: 422-Loại 490-Khoản 074

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	13.879,25	3.004,63	21,6%	
I	Số thu phí, lệ phí	13.879,25	3.004,63	21,6%	
1	Lệ phí				
2	Phí				
2.1	Học phí công lập	13.879,25	3.004,63	21,6%	
2.2	Tiền tổ chức phục vụ và vệ sinh bán trú	4.498,20	2.711,40	60,3%	
2.3	Tiền thiết bị vật dụng phục vụ bán trú	1.462,50	42,87	2,9%	
2.4	Tiền tổ chức học buổi hai	150,00	44,60	29,7%	
2.5	Tổ chức học với GV bán ngữ	4.336,20	135,98	3,1%	
2.6	Tin học MOS	2.288,55	60,38	2,6%	
2.7	Căn tin - giữ xe	172,80	9,40	5,4%	
2.8	Ôn tập TN THPT	466,00	-	0,0%	
2.9	Dịch vụ khác	505,00	-	0,0%	
		-	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	13.879,25	1.606,82	11,6%	
1	Chi sự nghiệp	13.879,25	1.606,82	11,6%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.879,25	1.606,82	11,6%	
a.1	Học phí công lập	13.879,25	1.606,82	11,6%	
a.2	Tiền tổ chức phục vụ và vệ sinh bán trú	4.498,20	245,35	5,5%	
a.3	Tiền thiết bị vật dụng phục vụ bán trú	1.462,50	128,31	8,8%	
a.4	Tiền tổ chức học buổi hai	150,00		0,0%	
a.5	Tổ chức học với GV bán ngữ	4.336,20	693,97	16,0%	
a.6	Tin học MOS	2.288,55	46,04	2,0%	
a.7	Tin học MOS	172,80	9,46	5,5%	
a.8	Căn tin - giữ xe	466,00	-	0,0%	
a.9	Ôn tập TN THPT	505,00	483,69	95,8%	
a.9	Dịch vụ khác	-	-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.270,14	8.370,34	41,3%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.270,14	8.370,34	41,3%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.270,143	8.370,34	41,3%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (năm trước chuyển qua: 118.483 đồng + được cấp 0 đồng)	0,118	-	0,0%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (được cấp 14.452.985.000 + 3.262.000.000 + 67.040.000 + 1.993.000.000 + 495.000.000)	20.270,025	8.370,34	41,3%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

